TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 80/2024/KDTM-ST
Ngày 27 tháng 06 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Bà **Bùi Thị Hạnh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà **Phạm Thu Hương** –Thư ký Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 84/2024/TLST-KDTM ngày 16/5/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng kinh tế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Công ty A;** Địa chỉ: Tổ X, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông N.K.K – Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Công ty luật M do ông L.Đ.V – giám đốc đại diện theo pháp luật *(Theo giấy ủy quyền số 18/2023/UQ-MT và Giấy ủy quyền số 18/2023/UQ-MT ngày 18/12/2023);* Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà N.T.A.N *(Theo giấy ủy quyền số: 01/2024/UQ-MT ngày 31/5/2024)*

- **Bị đơn: Công ty B*;*** Địa chỉ: Tổ Y, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông T.T.V **–** Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà N.T.L.H – Nhân viên phòng hành chính (Theo giấy ủy quyền số: 37/GUQ-XLHC-TCNS ngày 03/04/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà N.T.A.N trình bày:

- Ngày 10/10/2007, Công ty A và chi nhánh công ty B – H34 (là chi nhánh của công ty B) ký với nhau Hợp đồng kinh tế số 173A HĐKT/INDECO để mua bán thép cốt bê tông cán nóng.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty A đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp hàng hóa cho Công ty A và chi nhánh công ty B – H34 theo nội dung hai bên đã thỏa thuận.

Ngày 31/10/2012, Công ty A và và chi nhánh công ty B – H34 ký với nhau biên bản đối chiếu công nợ, theo đó, theo đó và chi nhánh công ty B – H34 xác nhận còn nợ Công ty A số tiền là 1.356.806.164 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm linh sáu nghìn, một trăm sáu mươi tư đồng). Tuy nhiên, từ đó đến nay, và chi nhánh công ty B– H34 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A.

- Ngày 01/03/2010, Công ty A và chi nhánh công ty B - H.B (là chi nhánh của công ty B) ký với nhau Hợp đồng kinh tế số 351.2010 HĐKT-INDECO để mua bán thép cốt bê tông cán nóng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã cung cấp cho Chi nhánh H.B các loại thép gồm:

- Thép cây D10: 5,353 kg;
- Thép cây D14: 1.273 kg;
- Thép cây D16: 15.331 kg;
- Thép cây D18: 19.426 kg;
- Thép cây D20: 15.574 kg;
- Thép cây D22: 26.176 kg;
- Thép cây D25: 3.830 kg;
- Thép cây D28: 15.261 kg.

Tương ứng với số tiền hàng là 1.291.623.536 đồng và 10% thuế giá trị gia tăng là 129.162.354 đồng. Tổng số tiền mà Chi nhánh H.B phải thanh toán cho Công ty A là 1.420.785.890 đồng (1.291.623.536 đồng +129.162.354 đồng) .

Quá trình thực hiện hợp đồng, chi nhánh H.B đã thanh toán cho Công ty A tổng số tiền là 820.000.000 đồng. Theo:

- Phiếu báo có ngày 07/04/2011 số tiền 400.000.000 đồng;
- Phiếu báo có ngày 05/05/2011 số tiền 300.000.000 đồng;
- Phiếu báo có ngày 10/02/2014 số tiền 120.000.000 đồng).

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/03/2014, chi nhánh công ty B - H.B xác nhận còn nợ Công ty A số tiền là 600.785.890 đồng (Sáu trăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng). Tuy nhiên, đến nay chi nhánh công ty H.B chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A.

Cả chi nhánh công ty B - H34 và chi nhánh công ty B – H.B đều là chi nhánh của Công ty B.

Nay công ty A khởi kiện Công ty B để yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 1.957.592.054 đồng *(Một tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm chin mươi hai nghìn, không trăm năm mươi tư đồng)* theo hợp đồng kinh tế số: 173A HĐKT/INDECO ngày 10/10/2007, biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2012 và hợp đồng kinh tế số: 351.2010 HĐKT-INDECO ngày 01/3/2010, biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/03/2014

- Tại văn bản nêu ý kiến ngày 24/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Công ty B do bà N.T.L.H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn xác nhận chi nhánh công ty B – H34 và chi nhánh công ty B – H. B đều là chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty B.

Đồng thời bị đơn cũng xác nhận:

- Ngày 10/10/2007, Chi nhánh H34 và Công ty A ký kết Hợp đồng kinh tế số 173A HĐKT/INDECO *(sau đây gọi tắt là "Hợp đồng số 173A"),* theo đó Công ty A đồng ý bán và Chi nhánh H34 đồng ý mua thép cốt Bê tông cán nóng.

- Ngày 31/10/2012, Chi nhánh H34 và Công ty A ký Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó Chi nhánh H34 xác nhận còn nợ Công ty A theo Hợp đồng số 173A số tiền là 1.356.806.164 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm năm sáu triệu, tám trăm linh sáu nghìn, một trăm sáu mười tư đồng).*

- Ngày 01/3/2010, Chi nhánh H. B và Công ty A ký kết Hợp đồng kinh tế số 351.2010 HĐKT/INDECO *(sau đây gọi tắt là "Hợp đồng số 351")*, theo đó, Công ty A đồng ý bán và Chi nhánh H.B đồng ý mua thép cốt Bê tông cán nóng.

- Ngày 31/3/2014, Chi nhánh H.B và Công ty A ký Biên bản xác nhận công nợ, theo đó Chi nhánh H.B xác nhận còn nợ Công ty A theo Hợp đồng số 351 số tiền là 600.785.890 đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng)*.

Từ thời điểm đó đến nay, các bên không đề cập đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, và không có bất kỳ văn bản nào liên quan đến công nợ nêu trên.

Nay Công ty A khởi kiện ra tòa yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền 1.957.592.054 đồng *(Một tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm chin mươi hai nghìn, không trăm năm mươi tư đồng)*. chúng tôi mong muốn Nguyên đơn tạo điều kiện cho chúng tôi trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vì hiện nay công ty bị đơn đang gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh dẫn đến mất khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty B phải thanh toán tiền nợ gốc cho Công ty A theo theo hợp đồng kinh tế số: 173A HĐKT/INDECO ngày 10/10/2007, biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2012 và hợp đồng kinh tế số: 351.2010 HĐKT-INDECO ngày 01/3/2010, biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/03/2014, số tiền là 1.957.592.054 đồng *(Một tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm chin mươi*

hai nghìn, không trăm năm mươi tư đồng). Về lãi, Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán thép cốt bê tông cán nóng số: 173A HĐKT/INDECO ngày 10/10/2007, hợp đồng kinh tế số: 351.2010 HĐKT-INDECO ngày 01/3/2010, nên xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty B có trụ sở tại địa chỉ: Tổ Y, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản , Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số: 173A HĐKT/INDECO ngày 10/10/2007, hợp đồng kinh tế số: 351.2010 HĐKT-INDECO ngày 01/3/2010, Hội đồng xét xử nhận thấy: Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty A và chi nhánh công ty B – H34, chi nhánh công ty G - H.B (là các chi nhánh của Công ty B) đã ký kết các hợp đồng kinh tế số: 173A HĐKT/INDECO ngày 10/10/2007 và hợp đồng kinh tế số: 351.2010 HĐKT-INDECO ngày 01/3/2010

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A đã nhiều lần giao hàng cho Công ty B. Ngày 31/10/2012, hai bên ký với nhau biên bản đối chiếu công nợ, theo đó chi nhánh công ty B – H34 xác nhận còn nợ Công ty A số tiền là 1.356.806.164 đồng. Ngày 31/3/2014, Chi nhánh H.B và Công ty A ký Biên bản xác nhận công nợ, theo đó Chi nhánh H.B xác nhận còn nợ Công ty A theo Hợp đồng số 351 số tiền là 600.785.890 đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng*).

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, Công ty B còn nợ Công ty A tổng số tiền 1.957.592.054 đồng *(Một tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm chin mươi hai nghìn, không trăm năm mươi tư đồng)*. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty A phải thanh toán trả số tiền gốc trên là có căn cứ chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi: Do Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu

lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong bản án.

[5]. Về án phí KDTM sơ thẩm: Công ty B phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty A là: 70.727.761 đồng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật thương mại;

- Áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng khoản 4, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí 2015;

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A về yêu cầu thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế số: 173A HĐKT/INDECO ngày 10/10/2007, biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2012 và hợp đồng kinh tế số: 351.2010 HĐKT-INDECO ngày 01/3/2010, biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/03/2014 đối với bị đơn là Công ty B.

[2]. Buộc Công ty B phải thanh toán trả cho Công ty A tổng số tiền gốc số tiền 1.957.592.054 đồng *(Một tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm chin mươi hai nghìn, không trăm năm mươi tư đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3].Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty B phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **70.727.761** đồng (Bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi mốt đồng)

A không phải chịu án phí. Hoàn trả cho công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030069 ngày 16/5/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự quận Ba Đình là: 35.363.000 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

[4]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bên đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận
- *VKSND Q. Ba Đình ;*
- *Chi cục THADS Q.Ba Đình;*
- *Tòa án ND Tp. Hà Nội*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hạnh